

**BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TMT24B1**  
**HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024-2025**

| STT | MSHS          | Họ và tên         |        | Ngày sinh  | Tiếng anh(4) | Điện tử căn bản(5) | Lắp ráp và cài đặt máy tính(5) | Điểm TB | Xếp loại   |
|-----|---------------|-------------------|--------|------------|--------------|--------------------|--------------------------------|---------|------------|
| 01  | 2454801020640 | Trần Gia          | An     | 30/06/2009 | 2.0          | 2.7                | 0.0                            | 1.5     | Yếu        |
| 02  | 2454801020641 | Nguyễn Thái       | Bảo    | 29/05/2009 | 6.9          | 7.9                | 7.4                            | 7.4     | Khá        |
| 03  | 2454801020642 | Chương Hải        | Đăng   | 05/09/2009 | 0.0          | 0.0                | 0.0                            | 0.0     | Yếu        |
| 04  | 2454801020643 | Mo Ha Med A Ry    | Fine   | 03/07/2009 | 7.2          | 7.3                | 6.9                            | 7.1     | Khá        |
| 05  | 2454801020644 | Nguyễn Lý Phước   | Hậu    | 01/11/2009 | 8.5          | 8.0                | 7.8                            | 8.1     | Giỏi       |
| 06  | 2454801020645 | Hiếu Văn Huy      | Hoàng  | 29/08/2009 | 6.6          | 5.6                | 5.9                            | 6.0     | Trung bình |
| 07  | 2454801020646 | Lê Hoàng          | Kha    | 21/10/2009 | 7.2          | 9.1                | 6.1                            | 7.5     | Khá        |
| 08  | 2454801020647 | Trần Minh         | Kha    | 09/05/2009 | 8.6          | 6.8                | 8.8                            | 8.0     | Giỏi       |
| 09  | 2454801020648 | Trần Huy          | Khang  | 20/03/2009 | 5.8          | 6.1                | 6.1                            | 6.0     | Trung bình |
| 10  | 2454801020649 | Bùi Quang         | Long   | 20/04/2009 | 5.5          | 5.5                | 5.8                            | 5.6     | Trung bình |
| 11  | 2454801020650 | Dương Hoàng       | Long   | 04/08/2000 | 8.4          | 9.2                | 8.9                            | 8.9     | Giỏi       |
| 12  | 2454801020651 | Phạm Minh         | Long   | 04/06/2009 | 5.4          | 5.4                | 6.5                            | 5.8     | Trung bình |
| 13  | 2454801020652 | Nguyễn Quang      | Minh   | 18/05/2009 | 7.8          | 7.0                | 7.5                            | 7.4     | Khá        |
| 14  | 2454801020653 | Lê Nhật           | Nam    | 11/04/2009 | 7.6          | 6.9                | 6.3                            | 6.9     | Trung bình |
| 15  | 2454801020654 | Nguyễn Thị Trường | Nghi   | 11/10/2009 | 4.8          | 7.5                | 7.4                            | 6.7     | Trung bình |
| 16  | 2454801020655 | Nguyễn Khôi       | Nguyên | 01/09/2009 | 9.0          | 7.2                | 7.2                            | 7.7     | Khá        |
| 17  | 2454801020656 | Ngô Minh          | Nhật   | 25/03/2009 | 8.6          | 7.0                | 6.8                            | 7.4     | Khá        |
| 18  | 2454801020657 | Ngô Nguyễn Tiến   | Phát   | 18/07/2009 | 3.9          | 7.0                | 7.5                            | 6.3     | Trung bình |
| 19  | 2454801020660 | Lê Nguyễn Việt    | Thái   | 15/04/2009 | 6.4          | 8.1                | 7.8                            | 7.5     | Khá        |
| 20  | 2454801020661 | Lý Toàn           | Thắng  | 30/04/2009 | 5.5          | 6.0                | 5.7                            | 5.8     | Trung bình |
| 21  | 2454801020662 | Phan Chí          | Thiện  | 08/12/2009 | 5.3          | 8.5                | 6.9                            | 7.0     | Khá        |

| STT | MSHS          | Họ và tên       |       | Ngày sinh  | Tiếng anh(4) | Điện tử căn bản(5) | Lắp ráp và cài đặt máy tính(5) | Điểm TB | Xếp loại   |
|-----|---------------|-----------------|-------|------------|--------------|--------------------|--------------------------------|---------|------------|
| 22  | 2454801020663 | Thái Bảo        | Thịnh | 25/08/2009 | 5.8          | 8.1                | 7.1                            | 7.1     | Khá        |
| 23  | 2454801020664 | Châu Nguyễn Huy | Thông | 27/09/2009 | 2.0          | 2.9                | 0.0                            | 1.6     | Yếu        |
| 24  | 2454801020666 | Lưu Huỳnh Quang | Thuận | 12/09/2009 | 7.0          | 7.5                | 6.5                            | 7.0     | Khá        |
| 25  | 2454801020667 | Trần Trung      | Tín   | 04/10/2009 | 7.5          | 6.2                | 6.1                            | 6.5     | Trung bình |
| 26  | 2454801020669 | Huỳnh Văn       | Trí   | 06/12/2009 | 6.9          | 8.0                | 6.9                            | 7.3     | Khá        |
| 27  | 2454801020672 | Nguyễn Hoàng    | Tỷ    | 18/08/2009 | 6.6          | 7.5                | 6.3                            | 6.8     | Trung bình |
| 28  | 2454801020673 | Nguyễn Quang    | Vinh  | 29/04/2009 | 5.1          | 5.4                | 6.4                            | 5.7     | Trung bình |
| 29  | 2454801020674 | Nguyễn Trường   | Vũ    | 30/04/2008 | 5.5          | 5.5                | 6.0                            | 5.7     | Trung bình |

TL. HIỆU TRƯỞNG  
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 26 tháng 06 năm 2025  
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái